

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 43

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 14 số 0100100858 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch	
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Thành viên	
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên	
Bà Hoàng Phương Hằng	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Cho Yoon	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hoa Tùng	Trưởng ban	
Bà Đỗ Thảo Quyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Trường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Bà Phan Thị Quỳnh Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Văn Thụ	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lâm Thị Hiền	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Phạm Đỗ Huy Cường – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và ông Ngô Văn Thụ – Tổng Giám đốc.

Bà Đỗ Thị Hương Giang được ông Ngô Văn Thụ ủy quyền ký các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy Ủy quyền số 43/2024/HPC-UQ ngày 2 tháng 1 năm 2024.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12824744/68697281

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 43, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future
with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2026-004-1

Nguyễn Quý Mạnh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4482-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		351.977.148.538	259.007.727.557
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.624.176.813	12.919.357.706
111	1. Tiền		20.585.676.813	12.919.357.706
112	2. Các khoản tương đương tiền		13.038.500.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	25.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		25.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		224.641.562.629	184.515.400.451
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	221.189.702.111	165.070.932.697
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	3.646.132.919	20.867.207.989
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.884.124.707	1.655.656.873
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(3.078.397.108)	(3.078.397.108)
140	IV. Hàng tồn kho	9	66.723.864.814	58.672.971.294
141	1. Hàng tồn kho		68.254.788.268	59.540.931.512
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.530.923.454)	(867.960.218)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.987.544.282	2.899.998.106
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.987.544.282	2.899.998.106
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.526.144.375.429	1.162.330.938.891
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.613.528.648	3.484.785.567
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.613.528.648	3.484.785.567
220	II. Tài sản cố định		202.708.224.216	200.984.562.254
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	181.567.575.132	163.462.463.510
222	Nguyên giá		773.103.840.571	725.242.089.748
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(591.536.265.439)	(561.779.626.238)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	18.308.076.878	33.106.404.015
225	Nguyên giá		22.889.138.889	40.539.246.298
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.581.062.011)	(7.432.842.283)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	2.832.572.206	4.415.694.729
228	Nguyên giá		11.399.181.365	11.264.181.365
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.566.609.159)	(6.848.486.636)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.533.607.401
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.533.607.401
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.262.690.750.233	938.729.106.216
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.209.745.429.200	845.345.429.200
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		134.011.200.000	169.535.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(81.065.878.967)	(76.151.322.984)
260	V. Tài sản dài hạn khác		58.131.872.332	17.598.877.453
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	58.131.872.332	17.598.877.453
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.878.121.523.967	1.421.338.666.448

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		304.763.315.746	251.318.040.686
310	I. Nợ ngắn hạn		302.104.605.719	243.405.562.355
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	122.205.385.368	78.878.199.320
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	17.931.881.816	4.567.886.558
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	12.975.930.920	5.566.380.205
314	4. Phải trả người lao động		9.741.583.051	10.728.772.838
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	23.699.699.597	16.688.208.513
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		124.670.840	123.070.785
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	83.024.946.061	104.273.557.003
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	32.400.508.066	22.579.487.133
330	II. Nợ dài hạn		2.658.710.027	7.912.478.331
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	2.658.710.027	7.912.478.331
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.573.358.208.221	1.170.020.625.762
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1.573.358.208.221	1.170.020.625.762
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		1.129.640.000.000	728.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.129.640.000.000	728.800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		327.517.083.602	327.962.683.602
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		3.598.936.874	3.598.936.874
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		112.602.187.745	109.659.005.286
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		62.253.104.757	91.046.874.846
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		50.349.082.988	18.612.130.440
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.878.121.523.967	1.421.338.666.448

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập
Phạm Thị Ngà

Kế toán trưởng
Phạm Thị Ngà



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.498.773.312.192	1.374.087.003.248
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(913.113.197)	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	1.497.860.198.995	1.374.087.003.248
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(1.337.806.480.640)	(1.215.483.647.914)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		160.053.718.355	158.603.355.334
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	3.695.902.270	4.453.487.692
22	7. Chi phí tài chính	23	(11.326.375.108)	(64.319.378.287)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(5.912.992.518)	(7.221.566.137)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(45.910.077.888)	(37.518.543.997)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(36.755.389.679)	(37.269.303.552)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.757.777.950	23.949.617.190
31	11. Thu nhập khác	25	5.972.103.257	5.534.773.994
32	12. Chi phí khác	25	(3.848.047.654)	(1.329.281.820)
40	13. Lợi nhuận khác	25	2.124.055.603	4.205.492.174
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		71.881.833.553	28.155.109.364
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(21.532.750.565)	(9.542.978.924)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		50.349.082.988	18.612.130.440

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Phạm Thị Ngà
Người lập

Phạm Thị Ngà
Kế toán trưởng



Đỗ Thị Hương Giang
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		71.881.833.553	28.155.109.364
02	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất trả trước		44.176.844.056	40.640.232.750
03	Các khoản dự phòng		5.577.519.219	57.964.267.493
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(386.472.701)	(376.088.306)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.231.020.567)	(2.251.403.705)
06	Chi phí lãi vay	23	5.912.992.518	7.221.566.137
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		123.931.696.078	131.353.683.733
09	Tăng các khoản phải thu		(47.302.709.276)	(28.557.542.705)
10	Tăng hàng tồn kho		(8.713.856.756)	(7.053.131.415)
11	Tăng các khoản phải trả		65.553.324.036	1.836.242.642
12	Tăng chi phí trả trước		(39.888.414.031)	(4.929.054.260)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.933.964.849)	(7.245.347.085)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(14.511.015.603)	(7.141.742.561)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(1.144.879.596)	(140.775.857)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		71.990.180.003	78.122.332.492
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(37.839.568.615)	(74.852.215.839)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.364.978.672	6.736.296.634
23	Tiền chi gửi tiền có kỳ hạn		(25.000.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	133.200.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(464.400.000.000)	(53.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		135.523.800.000	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.390.160.513	8.816.313.458
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(388.960.629.430)	20.900.394.253

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		363.954.400.000	-
33	Tiền thu từ đi vay		121.116.123.725	310.953.742.996
34	Tiền trả nợ gốc vay		(141.234.095.189)	(393.682.837.451)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(6.384.407.782)	(7.984.798.119)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(36.433.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		337.452.020.754	(127.146.892.574)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		20.481.571.327	(28.124.165.829)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		12.919.357.706	41.020.226.762
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		223.247.780	23.296.773
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	33.624.176.813	12.919.357.706

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập
Phạm Thị Ngà

Kế toán trưởng
Phạm Thị Ngà



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Nhựa Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 126/QĐ/UB-CN ngày 24 tháng 1 năm 1972 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội. Sau đó, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0100100858 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp ngày 31 tháng 10 năm 2008. Công ty cũng được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi mới nhất là lần thứ 14 số 0100100858 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 8 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán NHH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu, thiết bị chuyên dùng phục vụ công nghệ sản xuất sản phẩm nhựa và cung cấp cho các ngành công nghệ khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tổ 12, phường Phúc Lợi, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 664 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 692 người).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 3 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM ("Công ty Viexim")	100%	100%	Thôn Hào, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa
2	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	100%	100%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa
3	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường")	99,84%	99,84%	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

(*) Theo Nghị quyết số 282/2025/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 4 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chính xác và Chế tạo Khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC"), một công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn góp, vào Công ty An Trung. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các thủ tục liên quan đến việc sáp nhập đã được Công ty VMC và Công ty An Trung thực hiện và hoàn thành.

Công ty có một công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 14. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") để ngày 27 tháng 3 năm 2026 phù hợp với các quy định hiện hành trên áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá gốc thành phẩm, bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa sổ dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính do bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Cụ thể, thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị
Phương tiện vận tải

8 - 15 năm
10 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê (tiếp theo)

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang tài khoản tài sản cố định thích hợp khi các tài sản này được lắp đặt xong hoặc dự án xây dựng được hoàn thành và khấu hao của các tài sản này sẽ được bắt đầu trích khi các tài sản này đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang ghi nhận vào chi phí trong năm trong trường hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Phân chia lợi nhuận* (tiếp theo)

► *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.17 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

C.T. NG I MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm về nhựa. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	31.543.511	39.310.000
Tiền gửi ngân hàng	20.554.133.302	12.880.047.706
Các khoản tương đương tiền (*)	13.038.500.000	-
TỔNG CỘNG	33.624.176.813	12.919.357.706

(*) Bao gồm khoản tiền gửi bằng USD có kỳ hạn 1 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 0%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	25.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	25.000.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn 9 tháng tại ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên khác	158.290.536.955	164.022.483.811
- Công ty TNHH Honda Việt Nam	82.427.834.045	92.387.160.181
- Chi nhánh Công ty TNHH Panasonic Appliances Việt Nam Hưng Yên	29.259.432.143	29.541.999.485
- Công ty TNHH Piaggio Việt Nam	3.851.094.030	6.885.289.859
- Các khoản phải thu khách hàng khác	42.752.176.737	35.208.034.286
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	62.899.165.156	1.048.448.886
TỔNG CỘNG	221.189.702.111	165.070.932.697
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.679.082.108)	(1.679.082.108)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán khác	2.870.046.851	12.102.187.086
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	776.086.068	8.765.020.903
TỔNG CỘNG	3.646.132.919	20.867.207.989

7. PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	985.740.418	-	9.931.089	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.898.384.289	(1.399.315.000)	1.645.725.784	(1.399.315.000)
TỔNG CỘNG	2.884.124.707	(1.399.315.000)	1.655.656.873	(1.399.315.000)
Dài hạn				
Đặt cọc, ký quỹ	2.613.528.648	-	3.484.785.567	-
TỔNG CỘNG	2.613.528.648	-	3.484.785.567	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Linh Phụng	1.679.082.108	-	1.679.082.108	-
Công ty TNHH Cơ điện tử Bách Khoa	1.399.315.000	-	1.399.315.000	-
TỔNG CỘNG	3.078.397.108	-	3.078.397.108	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đơn vị tính: VND			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	1.911.811.576	-
Nguyên liệu, vật liệu	24.259.847.540	-	25.124.217.595	-
Công cụ, dụng cụ	2.073.392.676	-	2.781.543.442	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.438.140.080	-	13.736.166.438	-
Thành phẩm	22.748.552.339	(1.530.923.454)	15.955.486.949	(867.960.218)
Hàng hóa	2.734.855.633	-	31.705.512	-
TỔNG CỘNG	68.254.788.268	(1.530.923.454)	59.540.931.512	(867.960.218)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	867.960.218	1.180.171.999
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	662.963.236	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(312.211.781)
Số cuối năm	<u>1.530.923.454</u>	<u>867.960.218</u>

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

					Đơn vị tính: VND
					Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	69.549.276.948	615.201.845.900	34.583.619.899	5.907.347.001	725.242.089.748
- Mua trong năm	-	43.552.390.160	2.445.170.829	-	45.997.560.989
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	17.230.107.409	420.000.000	-	17.650.107.409
- Thanh lý, nhượng bán	(827.000.000)	(13.187.441.666)	(1.771.475.909)	-	(15.785.917.575)
Số cuối năm	68.722.276.948	662.796.901.803	35.677.314.819	5.907.347.001	773.103.840.571
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	55.493.289.032	380.478.495.340	15.271.112.849	3.411.745.228	454.654.642.449
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	67.042.018.557	467.573.277.597	22.807.834.484	4.356.495.600	561.779.626.238
- Khấu hao trong năm	657.032.236	36.533.684.742	2.055.973.534	432.464.570	39.679.155.082
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	5.195.473.747	168.000.000	-	5.363.473.747
- Thanh lý, nhượng bán	(425.401.114)	(13.172.593.640)	(1.687.994.874)	-	(15.285.989.628)
Số cuối năm	67.273.649.679	496.129.842.446	23.343.813.144	4.788.960.170	591.536.265.439
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	2.507.258.391	147.628.568.303	11.775.785.415	1.550.851.401	163.462.463.510
Số cuối năm	1.448.627.269	166.667.059.357	12.333.501.675	1.118.386.831	181.567.575.132

Một số tài sản cố định có giá trị còn lại là 7.436.146.683 VND được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	40.119.246.298	420.000.000	40.539.246.298
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(17.230.107.409)	(420.000.000)	(17.650.107.409)
Số cuối năm	22.889.138.889	-	22.889.138.889
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	7.296.225.616	136.616.667	7.432.842.283
- Khấu hao trong năm	2.480.310.142	31.383.333	2.511.693.475
- Mua lại tài sản thuê tài chính	(5.195.473.747)	(168.000.000)	(5.363.473.747)
Số cuối năm	4.581.062.011	-	4.581.062.011
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	32.823.020.682	283.383.333	33.106.404.015
Số cuối năm	18.308.076.878	-	18.308.076.878

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê tài chính. Các tài sản đi thuê theo hợp đồng thuê tài chính được sử dụng để làm tài sản đảm bảo cho khoản nợ thuê tài chính. Tại thời điểm kết thúc hợp đồng thuê tài chính, Công ty có quyền được mua lại các tài sản đi thuê.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Số đầu năm	11.264.181.365
- Mua trong năm	135.000.000
Số cuối năm	11.399.181.365
Trong đó:	
Đã hao mòn hết	64.166.665
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	6.848.486.636
- Hao mòn trong năm	1.718.122.523
Số cuối năm	8.566.609.159
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	4.415.694.729
Số cuối năm	2.832.572.206

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	327.465.836	303.487.696
Phí bảo hộ lao động	-	1.375.485.829
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.660.078.446	1.221.024.581
TỔNG CỘNG	1.987.544.282	2.899.998.106
Dài hạn		
Khuôn mẫu	26.358.188.564	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	13.024.282.536	6.070.360.151
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	10.387.738.934	3.642.254.032
Tiền thuê đất trả trước	6.088.385.315	6.356.258.291
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.273.276.983	1.530.004.979
TỔNG CỘNG	58.131.872.332	17.598.877.453



Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
	Giá trị hợp lý				
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)					
Công ty An Trung	805.410.000.000	-	(i) 241.010.000.000	(16.201.220.759)	(i)
Công ty An Cường	374.875.429.200	-	(i) 374.875.429.200	-	(i)
Công ty VIEXIM	29.460.000.000	-	(i) 29.460.000.000	-	(i)
Công ty VMC (Thuyết minh số 1)	-	-	(i) 200.000.000.000	-	(i)
TỔNG CỘNG	1.209.745.429.200	-	845.345.429.200	(16.201.220.759)	
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)					
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	134.011.200.000	(81.065.878.967)	(i) 169.535.000.000	(59.950.102.225)	(i)
TỔNG CỘNG	134.011.200.000	(81.065.878.967)	169.535.000.000	(59.950.102.225)	

(i) Công ty chưa có đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

4/PT
VI
2NS
C
130/1

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty An Trung	100%	100%	100%	100%
Công ty VIEXIM	100%	100%	100%	100%
Công ty An Cường	99,84%	99,84%	99,84%	99,84%
Công ty VMC	-	-	100%	100%

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 31 tháng 12 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024		Địa chỉ	Hoạt động chính
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp và gián tiếp, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (*)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp và gián tiếp, đồng thời là tỷ lệ biểu quyết (*)		
Đầu tư vào công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	35,51%	39,02%	35,51%	39,02%	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Hải An, thành phố Hải Phòng	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

(*) Công ty nắm giữ gián tiếp một phần sở hữu trong Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát thông qua Công ty An Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	72.847.027.015	72.847.027.015	70.075.109.890	70.075.109.890
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	16.498.188.756	16.498.188.756	12.976.023.910	12.976.023.910
- Công ty TNHH Sản xuất Hiệp Phước Thành	5.554.017.195	5.554.017.195	7.842.234.528	7.842.234.528
- Phải trả người bán khác	50.794.821.064	50.794.821.064	49.256.851.452	49.256.851.452
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	49.358.358.353	49.358.358.353	8.803.089.430	8.803.089.430
TỔNG CỘNG	122.205.385.368	122.205.385.368	78.878.199.320	78.878.199.320

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
UBECUBE LLC	6.663.357.260	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	11.268.524.556	4.567.886.558
TỔNG CỘNG	17.931.881.816	4.567.886.558

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.572.458.379	21.532.750.565	(14.511.015.603)	11.594.193.341
Thuế giá trị gia tăng	754.704.481	14.156.325.619	(13.646.644.408)	1.264.385.692
Thuế thu nhập cá nhân	239.217.345	1.377.580.211	(1.499.445.669)	117.351.887
Thuế nhập khẩu	-	418.061.392	(418.061.392)	-
Thuế, phí khác	-	1.505.719.524	(1.505.719.524)	-
TỔNG CỘNG	5.566.380.205	38.990.437.311	(31.580.886.596)	12.975.930.920

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lương	21.558.000.000	14.714.602.685
Chi phí phải trả khác	2.141.699.597	1.973.605.828
TỔNG CỘNG	23.699.699.597	16.688.208.513

18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	22.579.487.133	12.383.489.354
- Trích lập trong năm (Thuyết minh số 20.1)	10.965.900.529	10.336.773.636
- Sử dụng trong năm	(1.144.879.596)	(140.775.857)
Số cuối năm	32.400.508.066	22.579.487.133



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thuyết minh	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	19.1	95.959.223.757	95.959.223.757	425.987.146.563	(444.175.192.563)	77.771.177.757	77.771.177.757
Vay dài hạn							
đến hạn trả	19.2	1.929.925.464	1.929.925.464	641.138.504	(1.929.925.464)	641.138.504	641.138.504
Nợ thuế tài							
chính dài hạn							
đến hạn trả	19.3	6.384.407.782	6.384.407.782	4.612.629.800	(6.384.407.782)	4.612.629.800	4.612.629.800
TỔNG CỘNG		104.273.557.003	104.273.557.003	431.240.914.867	(452.489.525.809)	83.024.946.061	83.024.946.061
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	19.2	961.707.762	961.707.762	-	(641.138.504)	320.569.258	320.569.258
Nợ thuế tài							
chính	19.3	6.950.770.569	6.950.770.569	-	(4.612.629.800)	2.338.140.769	2.338.140.769
TỔNG CỘNG		7.912.478.331	7.912.478.331	-	(5.253.768.304)	2.658.710.027	2.658.710.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay ngắn hạn theo các hợp đồng vay vốn với các ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 4,5% đến 5%/năm. Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	60.418.321.379	Kỳ hạn vay 3 tháng đến ngày 25 tháng 2 năm 2026, lãi vay trả hàng tháng.	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Quân đội	17.352.856.378	Kỳ hạn vay 3 tháng đến ngày 25 tháng 2 năm 2026, lãi vay trả hàng tháng.	Tín chấp
TỔNG CỘNG	77.771.177.757		

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Số dư cuối năm bao gồm các khoản vay dài hạn theo các hợp đồng vay vốn với ngân hàng thương mại và chịu lãi suất từ 8,49% đến 8,85%/năm. Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	961.707.762	Kỳ hạn vay 60 tháng với khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 21 tháng 4 năm 2027, gốc vay trả hàng quý, lãi vay trả hàng tháng.	Tài sản cố định của Công ty
TỔNG CỘNG	961.707.762		
Trong đó:			
- Vay dài hạn đến hạn trả	641.138.504		
- Vay dài hạn	320.569.258		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuế tài chính

Chi tiết nợ thuế tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Khoản mục	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuế tài chính	6.950.770.569	Kỳ hạn từ 48 tháng, gốc và lãi vay trả hàng tháng. Khoản nợ cuối cùng đáo hạn vào ngày 27 tháng 3 năm 2028.	6,5% - 6,6%
TỔNG CỘNG	6.950.770.569		
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.612.629.800		
Nợ dài hạn	2.338.140.769		

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuế tài chính ngắn hạn					
Từ 1 năm trở xuống	4.924.875.381	312.245.581	4.612.629.800	7.027.452.662	638.044.880
					6.384.407.782
Nợ thuế tài chính dài hạn					
Từ 1 đến 5 năm	2.413.484.256	75.343.487	2.338.140.769	7.338.359.637	6.950.770.569
TỔNG CỘNG	7.338.359.637	387.589.068	6.950.770.569	14.365.812.299	13.335.178.351

Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	728.800.000.000	327.962.683.602	3.598.936.874	137.823.648.482	1.198.185.268.958
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	18.612.130.440	18.612.130.440
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.336.773.636)	(10.336.773.636)
- Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(36.440.000.000)	(36.440.000.000)
Số cuối năm	728.800.000.000	327.962.683.602	3.598.936.874	109.659.005.286	1.170.020.625.762
Năm nay					
Số đầu năm	728.800.000.000	327.962.683.602	3.598.936.874	109.659.005.286	1.170.020.625.762
- Tăng vốn (*)	364.400.000.000	(445.600.000)	-	-	363.954.400.000
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	50.349.082.988	50.349.082.988
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	(10.965.900.529)	(10.965.900.529)
- Phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (**)	36.440.000.000	-	-	(36.440.000.000)	-
Số cuối năm	1.129.640.000.000	327.517.083.602	3.598.936.874	112.602.187.745	1.573.358.208.221

(*) Theo Nghị quyết số 274/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ. Theo Nghị quyết số 436/2025/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, theo đó số lượng cổ phiếu chào bán ra công chúng thành công là 36.440.000 cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết số 274/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và phát hành cổ phiếu thưởng theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	774.927.400.000	774.927.400.000	-	457.328.220.000	457.328.220.000	-
Cổ đông khác	354.712.600.000	354.712.600.000	-	271.471.780.000	271.471.780.000	-
TỔNG CỘNG	1.129.640.000.000	1.129.640.000.000	-	728.800.000.000	728.800.000.000	-

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	728.800.000.000	728.800.000.000
- Tăng vốn	364.400.000.000	-
- Phát hành cổ phiếu thường	36.440.000.000	-
Số cuối năm	1.129.640.000.000	728.800.000.000

20.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trong năm		
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023 (500 VND/cổ phiếu)	-	36.440.000.000
Cổ tức đã trả trong năm		
Cổ tức bằng tiền cho năm 2023 (500 VND/cổ phiếu)	-	36.433.000.000

20.5 Cổ phiếu

	Số lượng (cổ phiếu)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành	112.964.000	72.880.000
Cổ phiếu đã phát hành	112.964.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	112.964.000	72.880.000
Cổ phiếu đang lưu hành	112.964.000	72.880.000
Cổ phiếu phổ thông	112.964.000	72.880.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm 2024: 10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.498.773.312.192	1.374.087.003.248
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.181.492.372.988	1.088.780.211.928
Doanh thu bán hàng hóa	317.280.939.204	285.306.791.320
Các khoản giảm trừ doanh thu	(913.113.197)	-
Chiết khấu thương mại	(340.000.000)	-
Hàng bán bị trả lại	(573.113.197)	-
Doanh thu thuần	1.497.860.198.995	1.374.087.003.248
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ, doanh thu khác	1.181.492.372.988	1.088.780.211.928
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa	316.367.826.007	285.306.791.320
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	1.266.853.783.095	1.180.231.551.055
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 28)	231.006.415.900	193.855.452.193

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.365.969.842	1.737.881.163
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.329.932.428	2.715.606.529
TỔNG CỘNG	3.695.902.270	4.453.487.692

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã bán	1.033.066.145.994	942.530.185.674
Giá vốn của hàng hóa đã bán	304.077.371.410	273.265.674.021
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	662.963.236	(312.211.781)
TỔNG CỘNG	1.337.806.480.640	1.215.483.647.914

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	5.912.992.518	7.221.566.137
Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4.914.555.983	56.800.934.142
Lỗ chênh lệch tỷ giá	498.826.607	296.878.008
TỔNG CỘNG	11.326.375.108	64.319.378.287

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.712.569.570	32.943.675.823
- Chi phí nhân công	5.259.073.059	4.100.117.463
- Chi phí khấu hao	317.270.256	290.819.927
- Chi phí khác	621.165.003	183.930.784
TỔNG CỘNG	45.910.077.888	37.518.543.997
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân công	23.925.490.125	23.030.453.472
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.912.134.279	8.828.976.125
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.192.074.639	1.851.215.133
- Chi phí khác	1.725.690.636	3.558.658.822
TỔNG CỘNG	36.755.389.679	37.269.303.552

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	5.972.103.257	5.534.773.994
Thu nhập từ cho thuê xe, thiết bị (*)	4.206.000.000	4.350.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	865.050.725	513.522.542
Thu nhập khác	901.052.532	671.251.452
Chi phí khác	3.848.047.654	1.329.281.820
Tiền phạt	2.408.504.387	17.866.017
Khấu hao từ cho thuê xe, thiết bị	1.232.076.636	1.200.617.364
Khác	207.466.631	110.798.439
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	2.124.055.603	4.205.492.174

(*) Chủ yếu bao gồm thu nhập từ cho thuê xe và máy móc thiết bị cho bên liên quan (Thuyết minh số 28).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	806.314.294.100	736.654.191.136
Chi phí nhân công	172.222.379.456	151.608.212.603
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính và phân bổ tiền thuê đất trả trước	44.176.844.056	40.640.232.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.820.185.081	87.750.233.949
Chi phí khác bằng tiền	4.692.949.900	1.956.291.351
TỔNG CỘNG	1.125.226.652.593	1.018.609.161.789

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	19.910.680.830	9.542.978.924
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những kỳ trước	1.622.069.735	-
TỔNG CỘNG	21.532.750.565	9.542.978.924

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.881.833.553	28.155.109.364
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	14.376.366.711	5.631.021.873
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	132.592.647	(62.442.356)
Trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	295.109.026
Dự phòng đầu tư	4.824.692.605	3.609.421.699
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	(47.926.887)	(76.917.235)
Điều chỉnh thuế trích thiếu các năm trước	1.622.069.735	-
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	624.955.754	146.785.917
Chi phí thuế TNDN	21.532.750.565	9.542.978.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ
Công ty An Cường	Công ty con
Công ty An Trung	Công ty con
Công ty Viexim	Công ty con
Công ty VMC	Công ty con đến ngày 26 tháng 5 năm 2025
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty liên kết của công ty mẹ
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn
AFC EcoPlastics LLC	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Suất ăn công nghiệp An Phát	Bên liên quan khác
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt trong tập đoàn

Các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như trình bày ở phần Thông tin chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm hiện hành và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings	Công ty mẹ cấp cao nhất	Cổ tức	-	5.580.154.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	3.528.000.000	2.922.000.000
		Phí phần mềm	108.000.000	80.000.000
		Mua tài sản cố định	80.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	317.599.180.000	-
		Cổ tức	-	17.286.257.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	2.039.965.728	7.654.948.000
Công ty Viexim	Công ty con	Mua hàng	441.201.896.986	371.122.077.600
		Bán hàng	201.135.059.858	175.307.867.051
		Cho thuê xe và thiết bị	4.206.000.000	4.357.961.420
Công ty An Trung	Công ty con	Góp vốn	464.400.000.000	-
		Mua hàng	69.786.223.209	55.480.071.405
		Bán hàng	27.488.838.102	18.037.182.642
		Nhận lại tiền cho vay	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty liên kết	Hoàn góp vốn	35.523.800.000	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Bên liên quan khác	Chi phí mua dịch vụ	13.100.142.689	26.579.474.000
Công ty VMC	Công ty con đến ngày 26 tháng 5 năm 2025	Nhận tiền hoàn trả vốn góp	100.000.000.000	-
		Mua vật tư, gia công	16.097.886.000	25.558.966.947
		Bán hàng	-	232.635.500
		Nhận lại tiền cho vay	-	6.200.000.000
Công ty An Cường	Công ty con	Mua hàng hóa, nguyên vật liệu	100.023.887	278.006.087
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Bên liên quan khác	Mua hàng	3.251.490.000	2.431.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát	Bên liên quan khác	Mua dịch vụ	7.118.821.500	5.822.984.000
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty liên kết của công ty mẹ	Bán hàng	259.639.000	193.050.000
		Thu nhập khác	98.245.366	50.893.401
AFC EcoPlastics LLC	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	2.004.616.940	32.617.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ và cho thuê tài sản với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)</i>				
Công ty Viexim	Công ty con	Bán hàng	62.199.794.551	780.512.860
Công ty An Trung	Công ty con	Bán hàng	680.546.205	267.936.026
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty cùng tập đoàn	Bán hàng	18.824.400	-
			62.899.165.156	1.048.448.886
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)</i>				
Công ty An Trung	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	776.086.068	-
Công ty VMC	Công ty con	Tạm ứng mua hàng	-	8.765.020.903
			776.086.068	8.765.020.903
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15.1)</i>				
Công ty Viexim	Công ty con	Phải trả về mua hàng	47.654.636.824	1.223.031.551
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Bên liên quan khác	Phải trả về mua hàng	824.688.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ suất ăn công nghiệp An Phát	Bên liên quan khác	Phải trả về mua hàng	701.101.980	743.714.460
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Bên liên quan khác	Phải trả về dịch vụ	156.866.149	3.128.624.460
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty mẹ	Phải trả về mua hàng	21.065.400	-
Công ty An Trung	Công ty con	Phải trả về mua hàng	-	3.707.718.959
			49.358.358.353	8.803.089.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
AFC EcoPlastics LLC	Công ty cùng tập đoàn	Ứng trước mua hàng	-	151.440.000
TỔNG CỘNG			-	151.440.000
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Liên vận An Tín	Bên liên quan khác	Chi hộ	13.619.820	16.338.840
			13.619.820	16.338.840

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát:

Đơn vị tính: VND			
Tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Bà Hòa Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	72.000.000	72.000.000
Bà Hoàng Phương Hằng	Thành viên HĐQT	48.000.000	-
Ông Cho Yoon (*)	Thành viên HĐQT	24.000.000	72.000.000
Ông Ngô Văn Thụ	Thành viên HĐQT	191.400.000	30.000.000
Bà Đỗ Thị Hương Giang	kiêm Tổng Giám đốc Thành viên HĐQT	1.269.916.422	1.178.406.986
Bà Lâm Thị Hiền	kiêm Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	1.078.363.900	798.289.568
TỔNG CỘNG		2.803.680.322	2.270.696.554

(*) Đã miễn nhiệm.

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động	129.000.000	200.279.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.363.720.000	6.029.280.000
Từ 2 - 5 năm	13.149.760.000	18.682.652.903
TỔNG CỘNG	19.513.480.000	24.711.932.903

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	4.206.000.000	4.350.000.000
TỔNG CỘNG	4.206.000.000	4.350.000.000

30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

30.1 Ngoại tệ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.098.453,47	28.644.371.137	438.196,16	11.064.891.237
TỔNG CỘNG		28.644.371.137		11.064.891.237

30.2 Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã giữ hộ khách hàng một số lượng khuôn nhằm sản xuất sản phẩm nhựa. Do các khuôn giữ hộ thuộc nhiều chủng loại khác nhau, nên Công ty không thuyết minh chi tiết về số lượng và giá trị của các khuôn giữ hộ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 1 năm 2026, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thông qua việc tăng vốn đầu tư của Công ty vào Công ty An Trung. Tại ngày 27 tháng 1 năm 2026, Công ty đã thực hiện góp thêm 90,6 tỷ VND vốn góp vào Công ty An Trung, tỷ lệ sở hữu sau góp vốn là 100%.

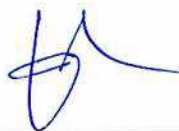
Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



Người lập
Phạm Thị Ngà



Kế toán trưởng
Phạm Thị Ngà



Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Thị Hương Giang



EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn